TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **67/**2022/DSPT
Ngày: 31/3/2022

V/v tranh chấp: "Hợp đồng hứa thưởng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Hồng Tâm.**

- *Các Thẩm phán*:

1. Bà **Nguyễn Thanh Nhàn.**

2. Bà **Nguyễn Thị Diệp Thúy**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Thanh Phong,** Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Ông **Dương Thanh Quang**, Kiểm sát viên.

Trong ngày **31** tháng **3** năm **2022**, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 175/2021/TLPT-DS ngày 10/6/2021 về tranh chấp: "Hợp đồng hứa thưởng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2021/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 209/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Đào Nguyễn Thu D**, sinh năm 1984 (có mặt);

Địa chỉ: số 68 khu phố 3, phường T, quận X, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Dương Mỹ L,** sinh năm 1988. Địa chỉ: số 79, ấp H, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (Theo giấy ủy quyền ngày 07/9/2020)(có mặt).

* *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị T1 (Rothfork Thu Thi)** sinh năm 1954 (có mặt);

Địa chỉ: số 226 đường N, phường Y, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ hiện nay: Đường huyện 95, tổ A, ấp N, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lê Hồng T**, sinh năm 1970. Địa chỉ ĐKTT: Xóm 2, xã P, KM, Hải Dương. (có mặt)

Địa chỉ hiện nay: số 167, KDC Đ, ấp 3, xã P, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh.

* *Người làm chứng:* **Công ty TNHH RV**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Mậu Quốc D**, Tổng giám đốc

Địa chỉ trụ sở: số P, xa lộ Hà Nội, khu phố 4, phường A, quận XX, thành phố Hồ Chí Minh.

** Người kháng cáo:* Bị đơn **Nguyễn Thị T1**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

** Tại đơn khởi kiện ngày 02/11/2020 của bà Đào Nguyễn Thu D và các quá trình giải quyết vụ án, bà Dương Mỹ L là người đại diện của nguyên đơn trình bày:*

Vào tháng 08/2020 bà D có biết bà Nguyễn Thị T1 có nhu cầu chuyển nhượng quyền sử dụng đất các thửa đất số 331, số 330, số 94 và số 11, tờ bản đồ số 29 tại khu phố 5, phường X, Thành phố M, Tiền Giang do bà T1 đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà D và bà T1 có thỏa thuận nhờ bà D tìm người mua đất cho bà T1 và cam kết sẽ trả cho bà D số tiền hoa hồng 900.000.000 đồng. Sự việc trên tuy không có lập thành văn bản nhưng bà T1 và bà D có trao đổi trực tiếp bằng điện thoại với nội dung bà T1 đồng ý trả cho bà D số tiền 450.000.000 đồng khi bà T1 ký kết hợp đồng đặt cọc với bên nhận chuyển nhượng và sẽ trả tiếp 450.000.000 đồng cho bà D khi hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng.

Sau khi bà D tiến hành giới thiệu, công ty TNHH RV đã đồng ý nhận chuyển nhượng các thửa đất trên của bà T1 với giá 31.500.000.000 đồng và đã ký hợp đồng đặt cọc với bà T1 số tiền 5.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi ký kết hợp đồng đặt cọc, phía bà T1 chỉ giao cho bà D số tiền 200.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Bà D đã nhiều lần yêu cầu bà T1 phải thực hiện đúng thỏa thuận giữa các bên, giao tiếp số tiền 250.000.000 đồng nhưng bà T1 cố tình né tránh không thực hiện. Ngày 23/10/2020 bà T1 và phía công ty TNHH RV đã tiếp tục ký hợp đồng chuyển nhượng, do đó, đến ngày 07/12/2020 bà D có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung, yêu cầu bà T1 phải giao tiếp số tiền 450.000.000 đồng như đã hứa. Tổng cộng bà D yêu cầu bà T1 phải giao trả số tiền 700.000.000 đồng. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, thì nguyên đơn không đồng ý.

** Theo đơn yêu cầu phản tố ngày 18/10/2020 của bà Nguyễn Thị T1 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lê Hồng T trình bày:*

Bà T1 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Bởi vì, trước khi bà D và bà T1 có thương lượng về việc mua bán đất thì bà T1 có ký bản ghi nhớ ngày 03/6/2019 với ông Lê Hồng T, về việc ông T sẽ là người chịu trách nhiệm đăng tin và cung cấp thông tin cho việc mua bán đất của bà T1, theo thỏa thuận tại bản ghi nhớ trường hợp có khách hàng liên hệ trực tiếp với bà T1 thì khách hàng đó đương nhiên được trả thưởng cùng với ông T theo tỷ lệ 50/50, mức được thưởng là 1% trên tổng giá trị giao dịch. Sau khi ông T tiến hành đăng các thông tin bán đất thì bà D có đến liên hệ với tư cách là giám đốc kinh doanh của công ty TNHH RITA Võ để thương lượng về việc mua bán đất. Do đó, bà T1 chỉ đồng ý trả số tiền hoa hồng đã hứa thưởng cho bà D và ông T là 315.000.000 đồng, bà T1 đã giao cho bà D số tiền 200.000.000 đồng nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện. Đồng thời bà T1 còn có yêu cầu phản tố trong vụ án này cụ thể bà T1 yêu cầu bà Đào Nguyễn Thu D phải xin lỗi trực tiếp bằng văn bản cho bà T1 vì đã làm ảnh hưởng đến uy tín, gây tổn thất về tinh thần và yêu cầu bà Đào Nguyễn Thu D phải hoàn trả số tiền

42.500.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 26/02/2021 ông Lê Hồng T rút lại yêu cầu buộc bà D xin lỗi bà T1 bằng văn bản.

** Tại bản khai ngày 18/11/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Hồng T trình bày:*

Vào ngày 03/6/2019 ông có ký kết Bản ghi nhớ với bà Nguyễn Thị T1 về việc thỏa thuận hưởng tiền huê hồng từ việc giúp bà T1 đăng thông tin để tìm kiếm người mua các thửa đất do bà T1 đứng tên. Sau khi tiến hành đăng các thông tin thì bà Đào Nguyễn Thu D có đến liên hệ với tư cách là đại diện của bên mua nên ông đã giới thiệu cho bà T1, sau đó bà T1 và bên mua là công ty TNHH RV đã ký kết hợp đồng đặt cọc. Như vậy, theo nội dung bản ghi nhớ, bà T1 có trách nhiệm giao cho ông và bà D số tiền hoa hồng 1% trên giá trị giao dịch tương đương với số tiền 315.000.000 đồng. Đối với vụ án, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

** Công ty TNHH RV đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng công ty TNHH RV cũng như người đại diện theo pháp luật của Công ty không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với nội dung vụ án.*

Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2021/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 570, Điều 571 và Điều 572 của Bộ Luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Nguyễn Thu D.

Buộc bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm trả cho bà Đào Nguyễn Thu D số tiền 700.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T1 về việc yêu cầu bà Đào Nguyễn Thu D phải hoàn trả lại số tiền 42.500.000 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu buộc bà Đào Nguyễn Thu D xin lỗi công khai bằng văn bản của bà Nguyễn Thị T1. Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 29 tháng 4 năm 2021, bị đơn Nguyễn Thị T1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đào Nguyễn Thu D; chấp nhận yêu cầu phản tố của bà và buộc nguyên đơn trả cho bà số tiền 42.500.000 đồng.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

- Về tố tụng, trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định pháp luật và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 38/2021/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn Nguyễn Thị T1 thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại các điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 18/11/2021, bà Nguyễn Thị T1 đã sử dụng Tiếng Anh và cho rằng bà có Quốc tịch Hoa Kỳ, nên đề nghị Tòa án cử người phiên dịch. Tuy nhiên, căn cứ vào văn bản số 1029/HTQTCT-QT ngày 10/12/2021 của Cục Hộ tịch, quốc tịch, chứng thực, Bộ Tư pháp xác định: sau khi tra cứu danh sách công dân Việt Nam đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch Việt Nam, danh sách những người bị tước quốc tịch Việt Nam hiện đang lưu trữ tại Bộ Tư pháp, Cục hộ tịch, quốc tịch, chứng thực không thấy có tên của bà Nguyễn Thị T1 và tại văn bản số 3712/CATP-QLHC ngày 27/12/2021 của Công an thành phố M xác định bà Nguyễn Thị T1 đã được cấp chứng minh nhân dân số 312420887 ngày 22/8/2014, chưa làm thủ tục cấp căn cước công dân. Như vậy, căn cứ theo Điều 11 Luật Quốc tịch Việt Nam thì bà Nguyễn Thị T1 là công dân Việt Nam, không thuộc trường hợp phải có người phiên dịch theo quy định tại Điều 81 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đã có văn bản số 878/TAT-VP ngày 28/12/2021 không chấp nhận yêu cầu cử người phiên dịch của bà Nguyễn Thị T1.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị T1 tiếp tục sử dụng tiếng Anh để trả lời các câu hỏi của Hội đồng xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các tài liệu, chứng cứ bà Nguyễn Thị T1, ông Lê Hồng T nộp trong giai đoạn phúc thẩm để xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1.

[2] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đào Nguyễn Thu D về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị T1 trả số tiền 700.000.000 đồng và yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn Nguyễn Thị T1 về việc yêu cầu bà Đào Nguyễn Thu D phải hoàn trả lại 42.500.000 đồng, Hội đồng xét xử, xét thấy:

[2.1] Tháng 8 năm 2020, bà Đào Nguyễn Thu D và bà Nguyễn Thị T1 có thỏa thuận việc bà D nhận làm môi giới để giới thiệu mua bán đất giữa công ty TNHH RV với bà T1, theo thỏa thuận sau khi bà T1 và phía Công ty TNHH RV tiến hành ký hợp đồng đặt cọc, bà T1 sẽ giao cho bà D số tiền thưởng là 450.000.000 đồng và sau khi các bên ký xong hợp đồng chuyển nhượng sẽ giao tiếp số tiền 450.000.000 đồng, thỏa thuận hứa thưởng trên không được lập bằng văn bản. Tuy nhiên, theo đoạn ghi âm ngày 18/8/2020, đã được ghi bằng văn bản (bút lục 01-05) do nguyên đơn Đào Nguyễn Thu D cung cấp, thể hiện rõ nội dung của việc hứa thưởng. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 19/4/2021 (bút lục 205-209), ông Lê Hồng T, là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Thị T1 thừa nhận bà Đào Nguyễn Thu D là người môi giới việc giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T1 với Công ty TNHH RV, thừa nhận giọng nói trong đoạn ghi âm do phía nguyên đơn cung cấp là giọng nói của bà Nguyễn Thị T1 và thực tế, ngày

20/8/2020 bị đơn Nguyễn Thị T1 đã chuyển khoản cho bà Đào Nguyễn Thu D số tiền 200.000.0000 đồng là tiền hoa hồng từ việc mua bán đất (bút lục 15), nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 1 Điều 92 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2.2] Bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Hồng T cho rằng giữa bà T1 và ông T có bản ghi nhớ với nội dung trường hợp có khách hàng liên hệ trực tiếp với bà T1 thì khách hàng đó đương nhiên được trả thưởng cùng với ông T theo tỷ lệ 50/50, mức được thưởng là 1% trên tổng giá trị giao dịch, nên bà Nguyễn Thị T1 chỉ đồng ý chi trả 1% tiền huê hồng cho ông T và bà D, tức mỗi người sẽ được nhận số tiền là 157.500.000 đồng, bà T1 đã giao cho bà D số tiền 200.000.000 đồng nên bà T1 có yêu cầu phản tố, yêu cầu bà D phải giao trả số tiền 42.500.000 đồng, là không có căn cứ. Bởi lẽ, tại "Bảng ghi nhớ ngày 03/6/2019" và tờ thông tin đăng bán đất ngày 20/6/2020 trên trang Website "Muaban.net" của ông Lê Hồng T (bút lục 38, 56) là việc thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Hồng T, không phải giữa ông Lê Hồng T, bà Nguyễn Thị T1 với bà Đào Nguyễn Thu D.

[2.3] Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đào Nguyễn Thu D, buộc bà Nguyễn Thị T1 trả cho bà Đào Nguyễn Thu D số tiền 700.000.000 đồng và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bị đơn Nguyễn Thị T1 yêu cầu bà Đào Nguyễn Thu D phải hoàn trả lại 42.500.000 đồng là, có căn cứ phù hợp Điều 570 của Bộ luật Dân sự.

[3] Bị đơn Nguyễn Thị T1 kháng cáo yêu cầu sửa bản án, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đào Nguyễn Thu D, chấp nhận yêu cầu khởi kiện phản tố của bà. Đồng thời, tại tờ giải trình ngày 09/11/2021 và ngày 22/3/2022, bà Nguyễn Thị T1 xác định bà không thừa nhận các lời khai của ông Lê Hồng T ở giai đoạn sơ thẩm và đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận; đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang cho bà rút toàn bộ lời khai trước đây bà đã gửi cho Tòa án trước khi có bản xác nhận của Công ty TNHH RV, bởi vì bà hoang mang, stress do không biết được nội dung trên và bà T1 cũng cho rằng Công ty TNHH RV có văn bản xác nhận bà Nguyễn Đào Thu D không có môi giới, không có tham gia vào bất kỳ việc thực hiện mua bán những lô đất của bà T1 với Hoàng Thị Yến, nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà.

[4] Tại tờ giải trình ngày 18/11/2021 và ngày 22/3/2022, ông Lê Hồng T trình bày tại thời điểm bà Nguyễn Thị T1 ủy quyền cho ông tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm, ông giảm thính lực, nghe kém, thường xuyên bị trầm cảm, thường lú lẫn quên các việc, lời nói mất chuẩn, nên quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án sơ thẩm ông không nghe được các lời trình bày của nguyên đơn…, ông Lê Hồng T đề nghị Tòa án bác bỏ những lời khai trước đây của ông khi nhận là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T1.

[5] Xét, lời trình bày của bị đơn Nguyễn Thị T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5.1] Tại giấy ủy quyền của bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Hồng T thể hiện ông Lê Hồng T được quyền thay mặt bà Nguyễn Thị T1 thực hiện các quyền, nghĩa vụ của bị đơn (bút lục 37); tại bản tự khai ngày 18/11/2020, ông Lê Hồng T thừa nhận bà D là người đến các thửa đất quay phim, chụp hình, hai bên có đàm phán giá tiền mua bán 04 thửa đất (bút lục 58-59). Do đó, bản án sơ thẩm xác định các lời trình bày, lời thừa nhận của ông Lê Hồng T và các tài liệu, chứng cứ của ông Lê Hồng T nộp ở giai đoạn sơ thẩm

được xác định là lời trình bày, lời thừa nhận và chứng cứ của bị đơn Nguyễn Thị T1 là phù hợp theo quy đinh tại khoản 3 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết ở giai đoạn sơ thẩm, ông T không có văn bản nào thông báo cho Tòa án biết việc ông giảm thính lực. Mặt khác, biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 19/4/2021, thể hiện rõ ông Lê Hồng T tham gia phần tranh tụng hỏi đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, trả lời các câu hỏi của Hội đồng xét xử sơ thẩm, của Kiểm sát viên và tham gia tranh luận. Do đó, bà Nguyễn Thị T1 và ông Lê Hồng T đề nghị Tòa án không chấp nhận các lời khai của ông, bà trước đây là không có căn cứ.

[5.2] Xét, như đã phân tích trên, trong quá trình giải quyết ở giai đoạn sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T1 cũng như ông Lê Hồng T đều thừa nhận bà Đào Nguyễn Thu D là người môi giới, là người trực tiếp đến gặp bà T1 quay phim, cung cấp thông tin về các thửa đất bà T1 muốn chuyển nhượng cho Công ty TNHH RV. Thực tế, giữa bà Nguyễn Thị T1 và Công ty TNHH RV đã ký hợp đồng chuyển nhượng vào ngày 23/10/2020 (bút lục 132-141) và bà T1 cũng đã chuyển tiền chi hoa hồng cho bà Đào Nguyễn Thu D. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 0302802627, bà Hoàng Thị Y là thành viên góp vốn của công ty RV (bút lục 30). Mặc khác, trong quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị T1 với Công ty TNHH RV, giữa bà Nguyễn Thị T1 với bà Hoàng Thị Y, bà Nguyễn Thị T1 cũng không có rút lại thỏa thuận hứa thưởng với bà Đào Nguyễn Thu D theo quy định tại Điều 571 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, là có căn cứ.

[8] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T1 phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 570, Điều 571 và Điều 572 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị T1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 38/2021/DS-ST ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đào Nguyễn Thu D.

Buộc bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm trả cho bà Đào Nguyễn Thu D số tiền 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T1 về việc yêu cầu bà Đào Nguyễn Thu D phải hoàn trả lại số tiền 42.500.000 đồng (Bốn mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của phản tố của bà Nguyễn Thị T1 về việc yêu cầu bà Đào Nguyễn Thu D xin lỗi công khai bằng văn bản.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T1 phải nộp 34.125.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí DSPT. Bà đã nộp số tiền 1.362.500 đồng tạm ứng án phí theo hai biên lai thu số 0002383 ngày 11/11/2020 và số 0005692 ngày 29/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên phải nộp tiếp số tiền 33.059.500 đồng.

Hoàn lại cho bà Đào Nguyễn Thu D số tiền 17.500.000 đồng tạm ứng án phí theo hai biên lai thu tiền số 0001960 ngày 11/9/2020 và số 0004579 ngày 17/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP M;
- Chi cục THADS Tp M;
- Các đương sự;
- Đăng cổng thông tin điện tử;
- Lưu hồ sơ, án văn.

DSPT-2022-Tâm

Lê Thị Hồng Tâm